



xiǎo hé

小河

noun · small river, stream

Example Sentences

Xiǎo hé de shuǐ hěn qīng

小河的水很清。

The water in the small river is very clear.

Hái zǐ men zài xiǎo hé biān wán shuǎ

孩子们在小河边玩耍。

The children are playing by the small river.

Zhè tiáo xiǎo hé cóng cūn zi zhōng jiān liú guò

这条小河从村子中间流过。

This small river flows through the middle of the village.

Trace each character, then write the word on your own.

小	小	小	小	小	小						

河	河	河	河	河	河	河	河	河	河
